

-----  
Bản án số: 06/2018/LĐ-PT

Ngày 30 tháng 10 năm 2018

V/v “*Yêu cầu bồi thường thiệt hại  
do chấm dứt lao động trái pháp luật*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

***-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Chí Trung

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Ngọc Anh

Bà Võ Thị Ngọc Dung

***-Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thúy Hằng -Cán bộ TAND TP Đà Nẵng.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng:*** Bà Đặng Ngọc Hoài Linh-Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2018/TLPT-LĐ ngày 10 tháng 8 năm 2018 về việc “*Yêu cầu bồi thường thiệt hại do chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật*”, do Bản án lao động sơ thẩm số: 02/2018/DS-ST ngày 11 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 05/2018/QĐ-PT ngày 24 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2018/QĐ-PT ngày 10 tháng 10 năm 2018 giữa:

-Nguyên đơn: Ông Nguyễn Huy Trường G-Chủ Doanh nghiệp G.

Nay là Công ty TNHH G (Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên-Mã số Doanh nghiệp: 0200486789; Đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 30/7/2018).

Địa chỉ: Số X/1168 đường K, phường H, quận A, thành phố P.

*Người đại diện theo ủy quyền (giấy ủy quyền số: 0918//UQ-MG ngày 19/7/2018):*

Bà Đặng Thị Phương D, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Tổ X4, phường B, quận T, TP Đà Nẵng (có mặt).

-Bị đơn: Ông Thái Văn N, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Tổ X9, phường Đ, quận T, thành phố Đà Nẵng.

*Người đại diện theo ủy quyền (giấy ủy quyền ngày 29/12/2017):*

Bà Nguyễn Thị Ngọc C, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Tổ X9, phường Đ, quận T, thành phố Đà Nẵng(có mặt).

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Huy Trường G.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

-Đại diện Doanh nghiệp G, bà Đặng Thị Phương D trình bày:

Doanh nghiệp G thỏa thuận bằng miệng, tuyển dụng ông Thái Văn N vào làm nhân viên cơ khí cho doanh nghiệp. Khi tiếp nhận ông N, doanh nghiệp có đưa 01 bản cam kết thử việc (theo mẫu của doanh nghiệp) xuất phát từ ý chí của ông N, ông đã đọc và đồng ý ký vào văn bản này. Theo văn bản cam kết này doanh nghiệp có thu của ông N 200.000đ (có phiếu thu) tiền cam kết thử việc. Thời gian thử việc 02 tháng, kể từ ngày 15/08/2016 đến ngày 15/10/2016. Nhiệm vụ: Trực tiếp thi công các công trình cơ khí phục vụ cho doanh nghiệp, bảo dưỡng, bảo trì hệ thống văn phòng, nhà kho của doanh nghiệp. Ngày 19/08/2016, doanh nghiệp có cấp phát cho ông N 01 sổ nhật ký để ông N ghi lại công việc và vật tư làm hàng ngày và các dụng cụ, vật tư phục vụ cho công việc.

Ngày 11/10/2016 (trước ngày kết thúc thời hạn thử việc 03 ngày) Doanh nghiệp G đã có quyết định tuyển dụng chính thức đối với ông Thái Văn N và soạn

thảo hợp đồng để ông N ký theo đúng quy định của pháp luật. Quyết định chính thức này được giao cho ông N nhằm mục đích doanh nghiệp đã nhận chính thức người lao động và ấn định một thời hạn nhất định trước 31/10/2016 ông N phải tiến hành ký kết xong hợp đồng lao động với doanh nghiệp. Tuy nhiên ngày 26/10/2016 ông N tự ý nghỉ việc không thông báo cho doanh nghiệp. Chúng tôi đã gọi điện, nhắn tin nhiều lần yêu cầu ông N tới doanh nghiệp để thực hiện việc bàn giao nhưng ông N không thực hiện.

Do ông Thái Văn N nghỉ việc không báo trước, không bàn giao công việc đang thực hiện dở dang và để tiếp tục hoàn thành công việc mà doanh nghiệp đã giao cho ông N, doanh nghiệp phải cử cán bộ từ thành phố P vào để thực hiện công việc đã được giao cho ông N chưa hoàn thành gồm: Làm hệ thống nắp mương thoát nước dài 35m, rộng 0,22m; Sơn chống rỉ 2 lớp; Làm tủ đựng vật tư, tủ đôi dài 6m, rộng 1m, cao 1,5m.

Chi phí Doanh nghiệp G phải chi trả để thực hiện công việc thay cho ông Thái Văn N chưa hoàn thành gồm:

Đợt 1, làm nắp mương thoát nước: Chi phí nhân công  $450.000\text{đ}/\text{ngày}/\text{người} \times 5 \text{ ngày} = 2.250.000\text{đ} \times 2 \text{ người} = 4.500.000\text{đ}$ ; Chi phí thuê xe đi lại: 16.500.000đ

Đợt 2, làm tủ đựng vật tư: Chi phí nhân công :  $450.000\text{đ}/\text{ngày}/\text{người} \times 6 \text{ ngày} = 2.700.000\text{đ} \times 2 \text{ người} = 5.400.000\text{đ}$ ; Chi phí thuê xe đi lại: 19.250.000đ;

Tổng chi phí thực hiện công việc dang dở là 45.650.000đ.

Yêu cầu ông N bồi thường  $\frac{1}{2}$  tháng lương do đơn phương nghỉ việc trái pháp luật quy định tại Điều 43 Bộ luật Lao động năm 2012. Mức lương:  $4.500.000\text{đ} \times \frac{1}{2} \text{ tháng} = 2.250.000\text{đ}$ . Tuy nhiên với mức lương yêu cầu này thì tại biên bản hòa giải ngày 7/3/2018 Doanh nghiệp G đã có ý kiến bổ sung khởi kiện về bồi thường tăng thêm tiền lương vì ông xác định ông N là lao động chính thức nên mức lương được điều chỉnh từ 4.500.000 lên thành 5.500.000đ. Do đó số tiền lương mà doanh nghiệp yêu cầu ông N bồi thường là:  $5.500.000 \times \frac{1}{2} \text{ tháng} = 2.750.000\text{đ}$ .

Nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tôi đề nghị tòa án buộc ông Thái Văn N phải bồi thường chi phí gồm:

Nhân công làm nắp mương thoát nước đợt 1 là:  $450.000\text{đ}/\text{ngày}/\text{người} \times 5 \text{ ngày} = 2.250.000\text{đ} \times 2 \text{ người} = 4.500.000\text{đ}$ .

Nhân công làm tủ đựng vật tư:  $450.000\text{đ}/\text{ngày}/\text{người} \times 6 \text{ ngày} = 2.700.000\text{đ} \times 2 \text{ người} = 5.400.000\text{đ}$ .

Ngoài ra, bồi thường tiền lương do đơn phương nghỉ việc trái pháp luật của ông N là:  $5.500.000 \times \frac{1}{2} \text{ tháng} = 2.750.000\text{đ}$ . Tổng cộng là 12.650.000đ.

-Đại diện theo ủy quyền của ông Thái Văn N, bà Nguyễn Thị Ngọc C trình bày:

Ông N được nhận vào làm việc tại Doanh nghiệp G từ ngày 15/8/2016 ông N được yêu cầu thử việc trong thời hạn 2 tháng (15/08/2016 đến 15/10/2016) tại vị trí nhân viên kỹ thuật với mức lương 4.500.000đ/tháng.

Khi vào làm việc công ty có thu 200.000đ tiền cam kết thử việc của ông N tại bản cam kết ngày 12/8/2016 hiện do doanh nghiệp đang cầm.

Khi hết hạn thử việc 15/10/2016, ông N vẫn tiếp tục làm việc, tuy nhiên, trong quá trình làm việc và trao đổi để chuẩn bị ký hợp đồng chính thức ông N cảm thấy có những yêu cầu không phù hợp ảnh hưởng đến tương lai nên ông N yêu cầu cần thêm thời gian để suy nghĩ.

Ngày 25/10/2016 ông N thông báo nghỉ việc bằng miệng cho bà D. Ông N đã thông báo cho doanh nghiệp về việc xin thôi việc nên ông N hoàn toàn không có lỗi trong sự việc này. Mặt khác, ông N cũng chưa ký hợp đồng lao động nên chưa phải là nhân viên chính thức của doanh nghiệp và có quyền đơn phương nghỉ việc sau khi đã thông báo nên không phải bồi thường.

Ông Nguyễn Huy Trường G khởi kiện yêu cầu ông N bồi thường tiền lương và chi phí thi công tổng cộng là 12.650.000đ, tôi không chấp nhận.

Ngày 12.3.2018 ông Thái Văn N yêu cầu phản tố buộc ông Nguyễn Huy Trường G-Chủ Doanh nghiệp G phải hoàn lại số tiền 200.000đ đã nhận khi cam kết thử việc cho ông N.

Với nội dung trên, án sơ thẩm đã xử và quyết định:

-Áp dụng Điều 32, điểm c khoản 1 điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân 2015; Điều 17, Điều 23, Điều 25, Điều 27, khoản 2 Điều 29 Bộ luật lao động 2012; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

-Đình chỉ yêu cầu của ông Nguyễn Huy Trường G-Chủ Doanh nghiệp G về việc buộc ông Thái Văn N thanh toán chi phí thuê xe đưa công nhân đi thành phố P và thành phố Đà Nẵng, số tiền là 33.750.000đ.

-Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Huy Trường G-Chủ Doanh nghiệp G đối với ông Thái Văn N về việc “*yêu cầu bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật*”.

-Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Thái Văn N đối với ông Nguyễn Huy Trường G-Chủ Doanh nghiệp G về việc đòi số tiền cam kết thử việc là 200.000đ.

-Buộc ông Nguyễn Huy Trường G-Chủ Doanh nghiệp G phải trả cho ông Thái Văn N số tiền 200.000đ.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

-Án phí tranh chấp lao động sơ thẩm ông Nguyễn Huy Trường G-Chủ Doanh nghiệp G phải chịu tổng cộng là: 935.500đ được khấu trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 8403 ngày 18/12/2018 và biên lai thu số: 8571 ngày 13.03.2018. Số còn lại hoàn trả cho nguyên đơn.

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 28 tháng 6 năm 2018, ông Nguyễn Huy Trường G kháng cáo.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa; Sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu; Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Tại đơn kháng cáo ngày 22/6/2018 Doanh nghiệp G yêu cầu: Hội đồng xét xử phiên tòa sơ thẩm ngày 11/6/2016 giải thích cho doanh nghiệp bởi vì khi hết thời hạn thử việc người lao động vẫn chưa ký hợp đồng lao động chính thức nhưng vẫn làm việc tại doanh nghiệp thì hợp đồng lao động có phát sinh hiệu lực không? Nếu không phát sinh thì số ngày vẫn làm việc khi đã hết hạn thử việc được tính như thế nào nếu hợp đồng phát sinh hiệu lực thì hợp đồng được quy định là bao lâu? Yêu cầu Tòa án dân thành phố buộc ông Thái Văn N và bà Nguyễn Thị Ngọc C phải đưa ra tài liệu chứng cứ chứng minh doanh nghiệp có yêu cầu kéo dài thêm thời gian thử việc đối với ông Thái Văn N.

[2] Như vậy Doanh nghiệp G không kháng cáo về các quyết định bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, HĐXX cần xem xét các nội dung liên quan đến quyết định bản án sơ thẩm như quy định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Ông Thái Văn N là lao động thử việc tại Doanh nghiệp G. Ngày 26/10/2016 ông N chính thức nghỉ việc tại Doanh nghiệp G. Theo Doanh nghiệp G khi nghỉ việc, ông N bỏ dở dang công việc nên doanh nghiệp phải chi phí nhân công để tiếp tục các công việc còn lại với tổng số tiền là 12.650.000đ, trong đó chi phí nhân công làm nắp mương thoát nước đợt 1 là 05 ngày, mỗi ngày 02 nhân công, số tiền là: 4.500.000đ; Chi phí nhân công làm tủ đựng vật tư 06 ngày, mỗi ngày 02 người, số tiền là: 5.4000.000đ. Ngoài ra, do ông Thái Văn N đơn phương nghỉ việc trái pháp luật nên phải bồi thường cho Doanh nghiệp G ½ tháng lương, theo mức lương 5.500.000đ/ tháng, số tiền là: 2.750.000đ. Tổng cộng các khoản doanh nghiệp yêu cầu là : 12.650.000đ.

[4] Xét thấy: Ông Thái Văn N là lao động thử việc tại Doanh nghiệp G từ ngày 15/8/2016 đến hết ngày 15/10/2016. Khi đến hết thời hạn thử việc, ông N kéo dài thời hạn thử việc đến cuối tháng 10/2016, sau đó chấm dứt làm việc tại Doanh

ng nghiệp G mà không cần báo với Doanh nghiệp G và không phải bồi thường là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật lao động “*Trong thời gian thử việc, mỗi bên có quyền hủy bỏ thỏa thuận mà không cần phải báo trước và không phải bồi thường nếu việc làm thử việc không đạt yêu cầu mà hai bên đã thỏa thuận*”. Mặt khác, đại diện cho Doanh nghiệp G không chứng minh được ông N đã gây thiệt hại cho doanh nghiệp và cũng không có căn cứ nào để xác định ông N đã gây thiệt hại cho Doanh nghiệp G. Theo lời khai của đại diện doanh nghiệp thì thực tế sau khi thi công, các nắp đậy mương thoát nước, tủ đựng vật tư vẫn do Doanh nghiệp G quản lý. Như vậy giá trị các sản phẩm này bao gồm giá trị vật tư và giá trị nhân công không thất thoát. Ông N cũng không nhận trước vật tư và cũng không ứng trước tiền công lao động để thi công các sản phẩm này. Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của Doanh nghiệp G là có căn cứ.

[5] Doanh nghiệp G cho rằng ông Thái Văn N là lao động chính thức tại doanh nghiệp theo Quyết định tuyển dụng số: 02/QĐ-16/MG ngày 11/10/2016. ông N nghỉ việc trái pháp luật nên phải bồi thường ½ tháng lương, là không có căn cứ, vì lẽ: Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động và của người lao động được quy định tại hợp đồng lao động. Theo quy định tại khoản 1 Điều 18 bộ luật lao động thì “*Trước khi nhận người lao động vào làm việc, người sử dụng lao động và người lao động phải trực tiếp giao kết hợp đồng lao động*”. Tại các điều từ điều 15 đến điều 25 của Bộ luật lao động quy định rất chặt chẽ nội dung, hình thức cũng như nghĩa vụ và quyền lợi của các bên khi tham gia ký kết hợp đồng lao động....Quyết định tuyển dụng của doanh nghiệp không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa người sử dụng lao động và người lao động và nếu có thì phải trên cơ sở hợp đồng lao động là văn bản có trước. Tại phiên tòa, đại diện cho Doanh nghiệp G xác định Quyết định số: 02/QĐ-16/MG ngày 11/10/2016 chỉ là văn bản mang tính hành chính nội bộ của doanh nghiệp, không phải là căn cứ làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa người sử dụng lao động và người lao động. Mặt khác, ông N hoàn toàn không biết việc việc Doanh nghiệp G ban hành quyết định tuyển dụng đối với mình, do đó không có căn cứ để xác định ông Thái Văn N là lao động

chính thức của doanh nghiệp. Doanh nghiệp G khởi kiện yêu cầu ông Thái Văn N bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng lao động nhưng không cung cấp được hợp đồng lao động ký kết giữa Doanh nghiệp G và ông Thái Văn N. Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của Doanh nghiệp G là có căn cứ.

[6] Tại cấp phúc thẩm, không có tình tiết gì mới làm thay đổi nội dung vụ án và kết quả bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu phản tố của bị đơn như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 18; Điều 27, khoản 2 Điều 29 Bộ luật lao động; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Không chấp nhận kháng cáo của Doanh nghiệp G; Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 02/2018/DS-ST ngày 11 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng.

1.1. Đình chỉ yêu cầu của ông Nguyễn Huy Trường G-Chủ Doanh nghiệp G về việc buộc ông Thái Văn N thanh toán chi phí thuê xe, số tiền là: 33.750.000đ.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Huy Trường G-Chủ Doanh nghiệp G về việc yêu cầu ông Thái Văn N “*Bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật*”, số tiền là: 12.650.000đ.

1.3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Thái Văn N về việc buộc ông Nguyễn Huy Trường G-Chủ Doanh nghiệp G trả số tiền cam kết thử việc: 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

1.4. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông Thái Văn N yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông Nguyễn



Huy Trường G còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

**1.5. Án phí lao động sơ thẩm:**

-Ông Nguyễn Huy Trường G-Chủ Doanh nghiệp G phải chịu là: 935.500đ, được khấu trừ vào 1.197.000đ đã nộp theo biên lai thu số: 008403 ngày 18/12/2018 (do bà Đặng Thị Phương D nộp thay) và 300.000đ theo biên lai thu số: 008571 ngày 13/03/2018 (do bà Đặng Thị Phương D nộp thay). Ông Nguyễn Huy Trường G được hoàn lại số tiền chênh lệch: 561.500đ.

**2/ Án phí lao động phúc thẩm:**

-Ông Nguyễn Huy Trường G phải chịu 300.000đ, được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí lao động phúc thẩm (do bà Đặng Thị Phương D nộp thay) tại biên lai thu số: 008876 ngày 27/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận T, thành phố Đà Nẵng).

**3/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên và được thi hành theo quy định tại Điều 02 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.**

**Nơi nhận:**

- VKSND TP Đà Nẵng.
- TAND quận T.
- Chi cục THADS quận T.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)  
Trương Chí Trung**

